TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Diệu

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

***Thư ký phiên toà*:** Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1960 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số 040060001113 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/3/2021.

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nay là: Đường T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1962 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 066162002003 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 06/7/2022.

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nay là: Đường T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Nguyễn Trọng H trình bày nội dung như sau:

Ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị Thủy C sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/1984 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống thuận hòa đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm và lối sống khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Ông H và bà T đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy hai người không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H quyết định ly hôn.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 22/7/1985 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 13/4/1990. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông H và bà T không có khoản nợ chung nào.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu như sau:***

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng H được ly hôn với bà Phạm Thị T. Về con chung: Ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 22/7/1985 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 13/4/1990. Hiện nay đều đã đủ 18 tuổi, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa

án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, tạm ứng án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị T, địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (nay là: Đường T, phường B, tỉnh Đắk Lắk). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/10/1984. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, ông H xác định rằng vợ chồng sống thuận hòa đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm và lối sống khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Ông H và bà T đã ly thân từ năm 2017 đến nay nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng đã thể hiện việc bà T không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Đồng thời việc vợ chồng ly thân trong thời gian dài chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng H, cho ông Nguyễn Trọng H được ly hôn với bà Phạm Thị T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 22/7/1985 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 13/4/1990. Hiện nay cả hai con đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu giải quyết, bị đơn cũng không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Trọng H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, tạm ứng án phí nên nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng H được ly hôn với bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 22/02/1985 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 13/4/1990. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông